

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày 03 - 05 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Oanh

Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Triệu Văn Q, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1985 tại huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn V1, xã V2, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn B và bà D Thị Ng; có vợ là Trần Thị B và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 28/02/2018 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hiện đang bị khởi tố, điều tra trong vụ án khác theo Quyết định khởi tố bị can số 37 ngày 14/3/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/01/2019. Hiện bị cáo tại ngoại tại Thôn V1, xã V2, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

- Bị hại: chị Phạm Thùy D, Sinh năm: 1982; Nơi cư trú: thôn 1B Th, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

- Người có Q L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Xuân L, Sinh năm: 1986; Nơi cư trú: tổ 4, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Chị Đoàn Thị V, Sinh năm 1986; Nơi cư trú: thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/12/2018, Triệu Văn Q sử dụng mạng xã hội zalo kết bạn làm quen với Phạm Thùy D. Đến khoảng 11 giờ ngày 11/12/2018, D đi xe khách đến ngã ba đường rẽ thuộc thôn Q, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang đợi Q. Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20F1 - 308.13 từ xã V2, huyện Bắc Quang ra ngã ba đón D. Sau đó, Q chở D đến nhà nghỉ T tại thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang, thuê phòng số 203. Khi lên đến phòng, D cầm sạc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng, màn hình cảm ứng và để số tiền 220.000^d (hai trăm hai mươi nghìn đồng) ở phía đầu giường. Sau khi tâm sự, quan hệ tình dục xong, đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, D đi vào phòng vệ sinh ở trong phòng nghỉ để tắm. Thấy cửa phòng vệ sinh đóng nên Q nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại và số tiền 220.000^d (hai trăm hai mươi nghìn đồng) của D. Q dùng tay phải cầm tiền, cầm điện thoại và tay trái rút sạc ra khỏi điện thoại của D rồi đi xuống tầng một gặp chị Đoàn Thị V thanh toán tiền nghỉ trọ. Sau đó, Q điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20F1 - 308.13 về xã V2, huyện B. Để tránh D phát hiện Q đã tắt nguồn chiếc điện thoại di động. Đến khoảng 09 giờ ngày 12/12/2018, Q điều khiển xe mô tô BKS 20F1 - 308.13 mang chiếc điện thoại di động lấy được của D đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại của Nguyễn Xuân L để mở khóa điện thoại. Do không mở được khóa điện thoại nên Q đã bán chiếc điện thoại cho L với giá 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng). Khi bán điện thoại Q không nói cho L biết chiếc điện thoại do Q trộm cắp mà có. Sau đó, Q tiếp tục điều khiển xe mô tô đến xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái đón chị Cố Thị T sang huyện B chơi. Khi đến nhà nghỉ M tại thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang, Q và T thuê phòng nghỉ để nói chuyện tâm sự tình cảm. Tại đây, Q có mượn của T chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F5, loại màn hình cảm ứng, màu đen để xem phim. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Q và T đi ra khỏi phòng nghỉ và trả tiền phòng. Lúc này, Q vẫn đang giữ chiếc điện thoại của T. Q thấy T tin tưởng giao tài sản cho mình quản lý nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của T. Q nói với T đứng ở nhà nghỉ đợi Q để Q đi đổi xe. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô đi về hướng xã V và tắt nguồn chiếc điện thoại của T. Đến ngày 13/12/2018, khi làm việc với cơ quan điều tra, Q thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của Phạm Thùy D và còn chiếm đoạt tài sản của Cố Thị T tại xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Số tiền bán điện thoại và trộm cắp được của D, Q đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Q khai nhận ngoài hành vi chiếm đoạt tài sản tại huyện B, Q còn thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại Wave RSX, biển kiểm soát 20F1 - 308.13 của chị Nguyễn Thị Th - SN 1977, trú tại xóm Đ, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 28/02/2018 tại xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 19/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus có vỏ ngoài màu hồng, màn hình cảm ứng có số Imei: 355728075317062, trên thân vỏ có nhiều vết trầy xước, phía góc trái màn hình cảm ứng bị nứt vỡ một vết hình vòng cung, máy đã qua sử dụng, có giá: 3.700.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 có vỏ ngoài màu đen, loại màn hình cảm ứng có số Imei: 867816032006554, máy đã qua sử dụng, có giá 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản Triệu Văn Q đã trộm cắp của chị Phạm Thùy D là 3.920.000 đồng (*Ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 14/CT-VKSBQ ngày 19/3/2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Triệu Văn Q về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Triệu Văn Q về tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn Q từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ý kiến của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong giai đoạn điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt: Về tội danh và hình phạt đối với bị cáo, đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: bị hại Phạm Thùy D đã nhận lại được tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus và bị cáo đã trả lại cho bị hại số tiền 220.000^d. Bị cáo cũng đã hoàn trả cho anh Nguyễn Xuân L số tiền 400.000^d tiền anh L đã mua điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus. Do đó người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa những lỗi lầm đã mắc phải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: tại phiên tòa người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 292 và 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo Triệu Văn Q tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, biên bản định giá tài sản và Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện B ngày 19/12/2018, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Triệu Văn Q phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, có nội dung quy định như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương. Trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp là 3.920.000 đồng (*Ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*), nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 của chị Cố Thị T, do giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*), chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an huyện Bắc Quang đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Triệu Văn Q là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Xuân L là người mua chiếc điện thoại Iphone 6S Plus từ Triệu Văn Q. Tuy nhiên quá trình mua bán Q không nói cho anh L biết chiếc điện thoại là do Q trộm cắp mà có vì vậy cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh L là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, ngày 12/12/2018 bị cáo

thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc điện thoại di động OPPO F5 của chị Cổ Thị T vào ngày 12/12/2018 nên đã bị Công an huyện Bắc Quang đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính số 00243 ngày 28/02/2019. Trước đó vào ngày 28/02/2018 tại xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Q còn thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại Wave RSX, biển kiểm soát 20F1 - 308.13 của chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977, trú tại xóm Đ, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên đang bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên khởi tố, điều tra trong vụ án khác.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Phạm Thùy D đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt. Bị cáo cũng đã trả lại cho chị D số tiền 220.000^d chiếm đoạt của chị D và hoàn trả cho anh Nguyễn Xuân L số tiền 400.000^d anh L đã mua điện thoại. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là các điện thoại di động đã thu giữ, quá trình điều tra Cơ quan Công an huyện Bắc Quang đã ra quyết định xử lý vật chứng và lập biên bản trả lại cho chủ sở hữu. Đối với vật chứng là chiếc xe mô tô Honda Wave RSX, biển kiểm soát 20F1 - 308.13, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để giải quyết theo thẩm quyền. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Văn Q **07 (bảy)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.
3. Về án phí: Bị cáo Triệu Văn Q phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có Q kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã V2, huyện B;
- Lưu HS, bộ phận.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hải Hà

